FireAnt

# CTCP Đá Hoàng Mai (HNX: HMR)

| Thông tin giao dịch | 31/03/2025 |
|---|---|
| Giá hiện tại (VNĐ) | 13,800 |
| Cao nhất 52 tuần (VNĐ) | 44,900 |
| Thấp nhất 52 tuần (VNĐ) | 8,300 |
| SL cổ phiếu LH | 5,612,444 |
| KLGD BQ 20 phiên (CP) | 57,095 |
| % sở hữu nước ngoài | 0.0% |
| Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) | |
| Vốn hóa (tỷ VNĐ) | 77 |
| P/E | 13.6 |
| EPS | 1,011 |

| | YTD | 1T | 3T | 6T |
|---|---|---|---|---|
| HMR | 21.1% | -4.2% | 16.9% | -6.8% |
| VNINDEX | 2.9% | -0.4% | 2.7% | 1.1% |

## Cơ cấu Tổng tài sản

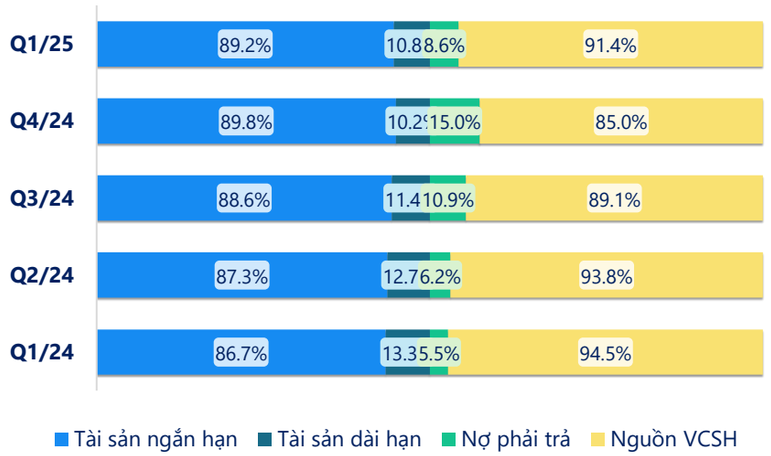


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

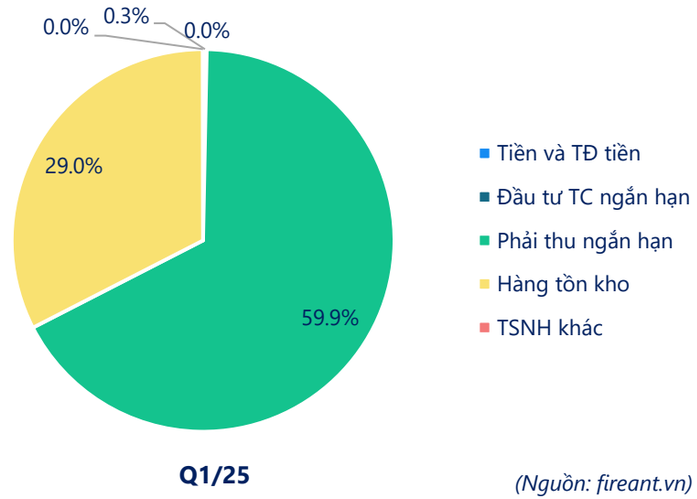


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu sở hữu

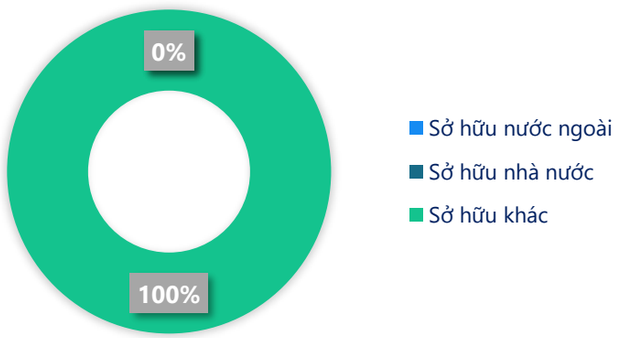


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu cổ đông

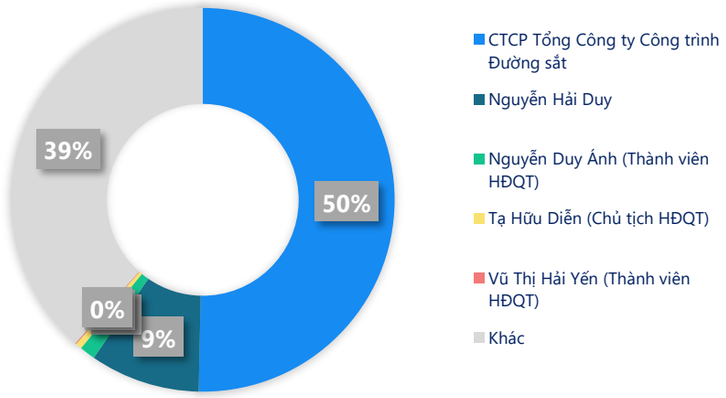


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

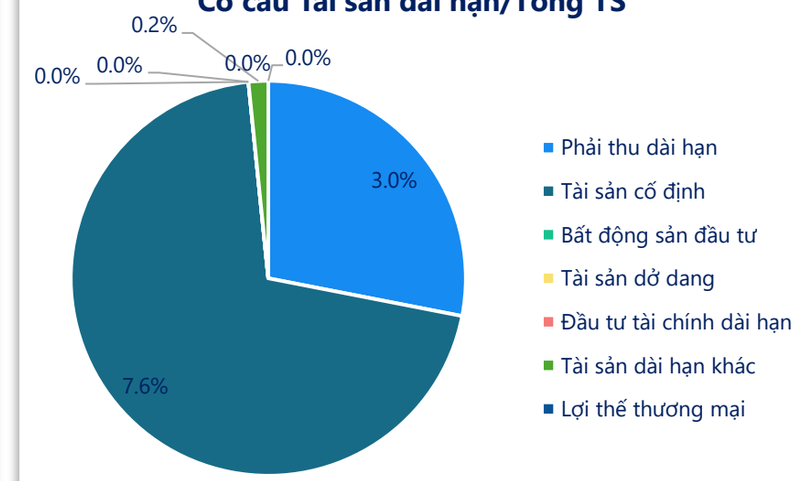


*(Nguồn: fireant.vn)*

Powered by Infographic

# CTCP Đá Hoàng Mai (HNX: HMR)

## Tiền và tương đương tiền

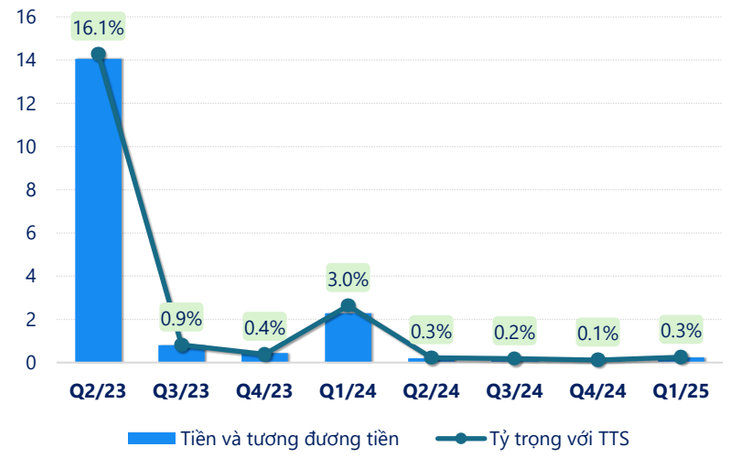


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Phải thu ngắn hạn

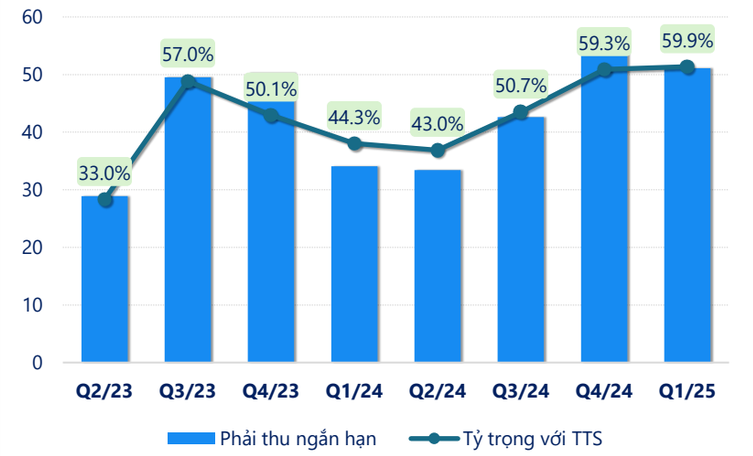


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Hàng tồn kho




*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tài sản cố định

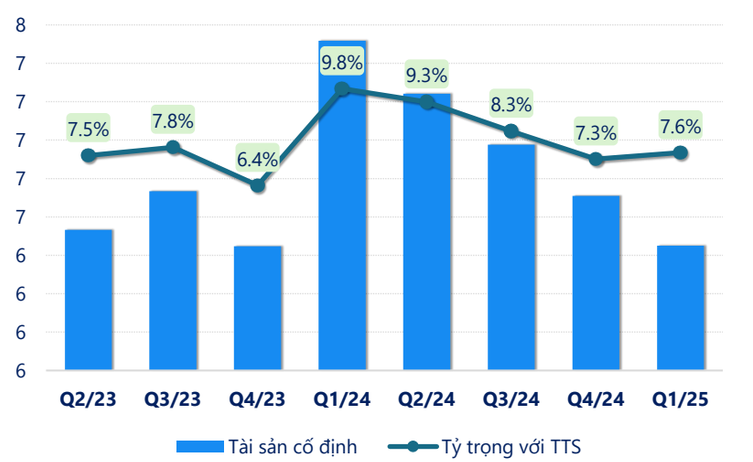


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Nợ vay

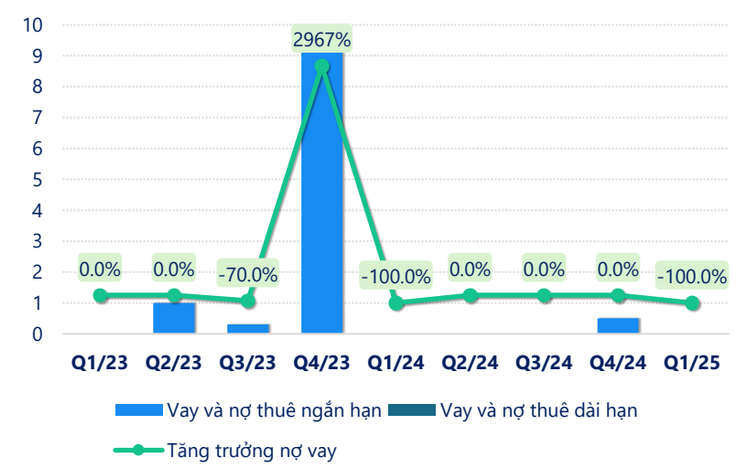


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vốn chủ sở hữu

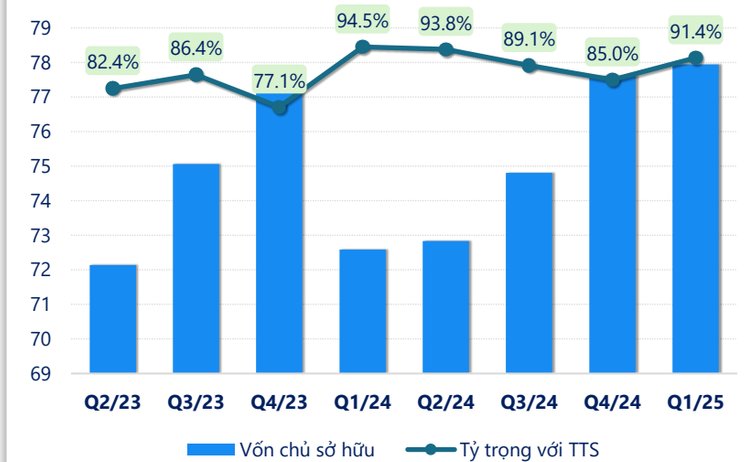


*(Nguồn: fireant.vn)*

# CTCP Đá Hoàng Mai (HNX: HMR)

## Kết quả kinh doanh

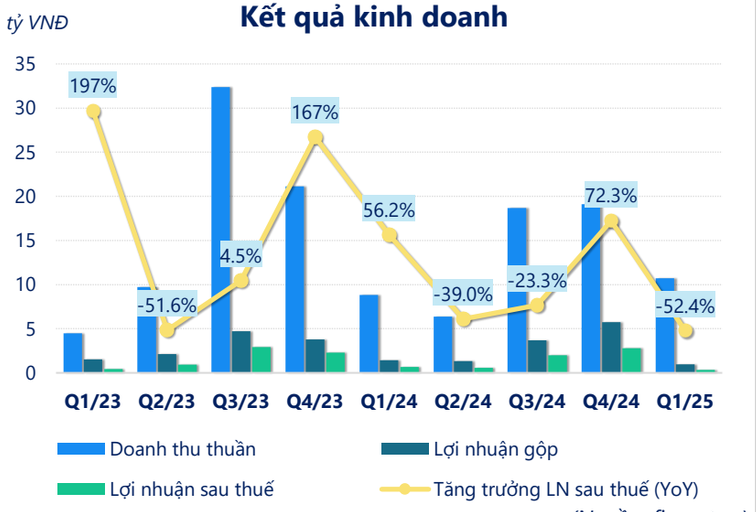


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất lợi nhuận

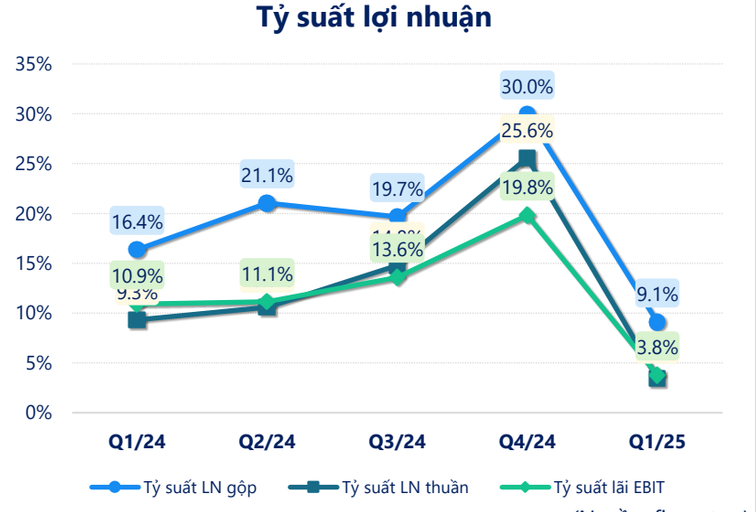


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Tỷ suất sinh lợi

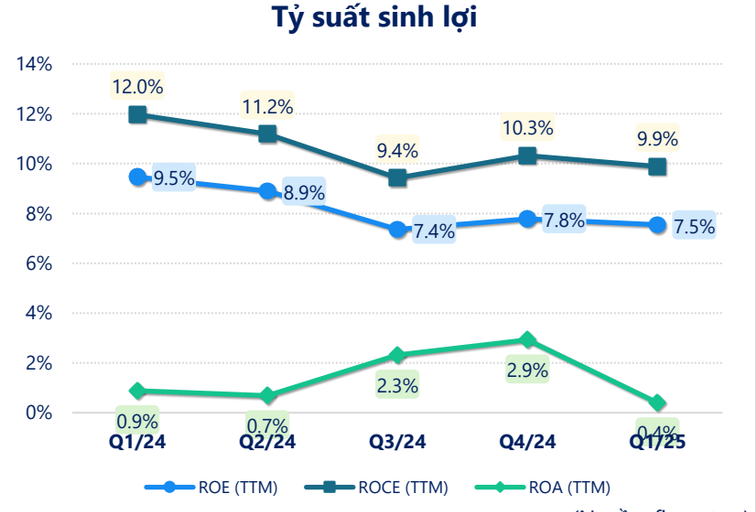


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Vòng quay tài sản

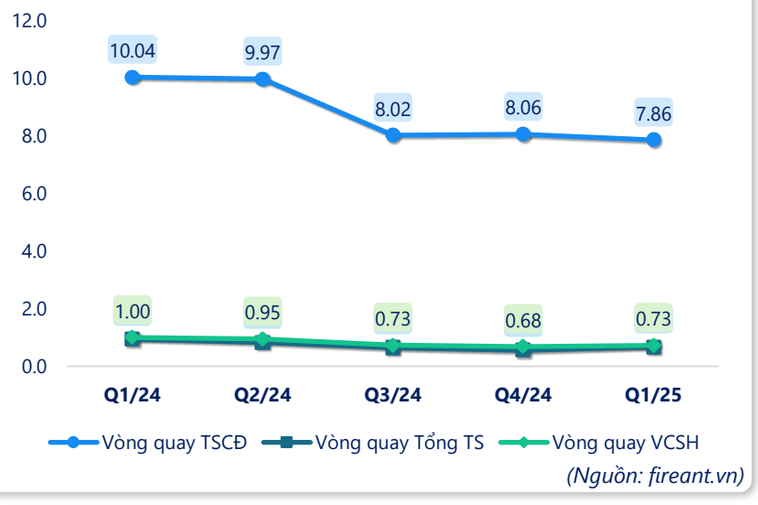


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Chỉ số thanh khoản

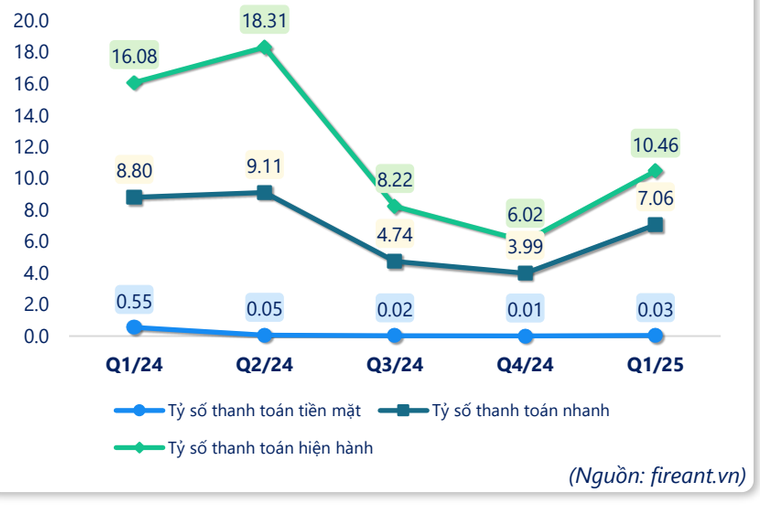


*(Nguồn: fireant.vn)*

## Lưu chuyển tiền

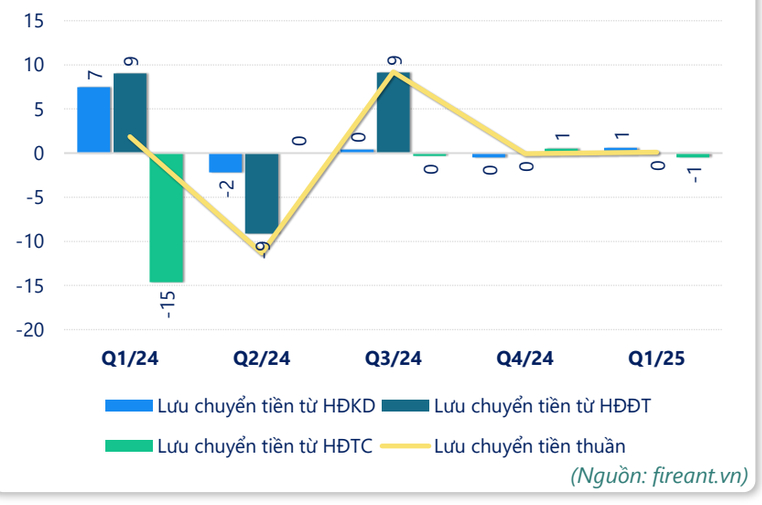


*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic

# CTCP Đá Hoàng Mai (HNX: HMR)

| CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)* | Tại ngày 31/3/2025 | Tại ngày 31/12/2024 | Thay đổi |
|---|---|---|---|
| **Tổng tài sản** | **85.3** | **91.3** | **-6.6%** |
| **Tài sản ngắn hạn** | 76.1 | 82.0 | -7.2% |
| Tiền và tương đương tiền | 0.23 | 0.12 | 95.5% |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 0 | 0 | |
| Phải thu ngắn hạn | 51.1 | 54.2 | -5.7% |
| Hàng tồn kho | 24.8 | 27.7 | -10.7% |
| Tài sản ngắn hạn khác | 0.01 | 0.00 | 225% |
| **Tài sản dài hạn** | **9.17** | **9.29** | **-1.2%** |
| Phải thu dài hạn | 2.57 | 2.38 | 8.1% |
| Tài sản cố định | 6.45 | 6.71 | -3.9% |
| Bất động sản đầu tư | 0 | 0 | |
| Tài sản dở dang | 0 | 0 | |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 0 | 0 | |
| Tài sản dài hạn khác | **0.15** | **0.20** | **-25.0%** |
| Lợi thế thương mại | 0 | 0 | |
| **Nợ phải trả** | 7.35 | 13.7 | -46.3% |
| **Nợ ngắn hạn** | **7.27** | **12.3** | **-40.6%** |
| Vay và nợ thuê ngắn hạn | 0 | 0.50 | -100% |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 0.86 | 3.15 | -72.6% |
| **Nợ dài hạn** | 0.08 | 1.45 | -94.5% |
| Vay và nợ thuê dài hạn | 0 | 0 | |
| **Nguồn vốn chủ sở hữu** | **77.9** | **77.6** | **0.4%** |
| **Vốn chủ sở hữu** | **77.9** | **77.6** | **0.4%** |
| Vốn điều lệ | 56.1 | 56.1 | 0.0% |
| **Kinh phí và quỹ khác** | **0** | **0** | |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)* | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| **Doanh thu thuần** | 8.83 | 6.38 | 18.7 | 19.1 | 10.7 |
| Giá vốn hàng bán | 7.38 | 5.04 | 15.0 | 13.4 | 9.73 |
| **Lợi nhuận gộp** | 1.45 | 1.34 | 3.67 | 5.73 | 0.97 |
| Doanh thu HĐTC | 0.05 | 0.00 | 0.00 | 0.05 | 0.00 |
| Chi phí TC | 0.11 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| **Chi phí lãi vay** | 0.11 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| LN trong công ty LKLD | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí bán hàng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Chi phí QLDN | 0.56 | 0.67 | 0.91 | 0.89 | 0.60 |
| **LN thuần từ HĐKD** | 0.82 | 0.67 | 2.76 | 4.89 | 0.37 |
| Lợi nhuận khác | 0.03 | 0.04 | -0.22 | -1.10 | 0.04 |
| **LN trước thuế** | 0.85 | 0.71 | 2.54 | 3.79 | 0.41 |
| **Lợi nhuận sau thuế** | 0.68 | 0.57 | 1.98 | 2.80 | 0.32 |
| **LNST của CĐ cty mẹ** | 0.68 | 0.57 | 1.98 | 2.80 | 0.32 |

*(Nguồn: fireant.vn)*

| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)* | Q1/24 | Q2/24 | Q3/24 | Q4/24 | Q1/25 |
|---|---|---|---|---|---|
| Lưu chuyển tiền từ HĐKD | 7.46 | -2.19 | 0.41 | -0.50 | 0.62 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐĐT | 9.02 | -9.12 | 9.12 | -0.05 | 0.00 |
| Lưu chuyển tiền từ HĐTC | -14.6 | 0 | -0.33 | 0.50 | -0.50 |
| Tiền đầu kỳ | 0.43 | 2.28 | 0.20 | 0.17 | 0.12 |
| **Lưu chuyển tiền thuần** | **1.85** | **-11.3** | **9.20** | **-0.05** | **0.11** |
| Ảnh hưởng tỷ giá | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| Tiền cuối kỳ | 2.28 | 0.20 | 0.17 | 0.12 | 0.23 |

*(Nguồn: fireant.vn)*



Powered by Infographic